

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3913/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể
Quy hoạch chung đô thị Tân Thành đến năm 2040

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 01/01/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về phân loại đô thị và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2010/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Xét Tờ trình số 5292/TTr-UBND ngày 18/11/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên; Văn bản thẩm định số 4470/SXD-QHKT ngày 24/12/2024, Công văn số 4503/SXD-QHKT ngày 25/12/2024 của Sở Xây dựng;

Căn cứ Thông báo số 426/TB-UBND ngày 27/12/2024 về kết luận của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Phiên họp lần thứ 80 - Khóa X.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung đô thị Tân Thành đến năm 2040, với các nội dung sau:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

a. Phạm vi lập quy hoạch chung theo địa giới hành chính thị trấn Tân Thành. Ranh giới xác định như sau:

- Phía Bắc giáp xã Tân Định;
- Phía Nam giáp xã Đất Cuốc;
- Phía Đông giáp xã Đất Cuốc, xã Tân Định, xã Hiếu Liêm;
- Phía Tây giáp xã Tân Lập.

b. Quy mô lập quy hoạch: Trên tổng diện tích tự nhiên toàn thị trấn là 2.688,21 ha.

2. Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi quy hoạch là toàn bộ thị trấn Tân Thành; ranh giới theo ranh hành chính thị trấn Tân Thành gồm có 06 khu phố: 1, 2, 3, 4, 5, 6.

Phạm vi nghiên cứu mở rộng bao gồm các xã lân cận thuộc huyện Bắc Tân Uyên.

3. Tính chất đô thị:

Thị trấn Tân Thành là trung tâm hành chính - kinh tế - xã hội của huyện Bắc Tân Uyên, định hướng là đô thị dịch vụ - công nghiệp với các loại hình dịch vụ đa dạng phục vụ cho đô thị, hỗ trợ phát triển công nghiệp và dịch vụ du lịch kết hợp với phát triển nông nghiệp đô thị.

Định hướng đến năm 2040 đô thị Tân Thành có tính chất là đô thị trung tâm - Dịch vụ - Công nghiệp - Nông nghiệp.

4. Các giai đoạn nâng cấp đô thị:

- Giai đoạn từ nay đến năm 2030: đạt tiêu chí đô thị loại IV.
- Giai đoạn năm 2030-2040: Nâng cao các tiêu chí của đô thị Bắc Tân Uyên đạt đô thị loại IV, thành lập thị xã Bắc Tân Uyên.

5. Mục tiêu, nhiệm vụ:**a. Mục tiêu:**

- Cụ thể hóa định hướng của quy hoạch vùng huyện Bắc Tân Uyên và các nội dung trong quy hoạch tỉnh có liên quan tới đô thị Tân Thành.
- Xác định các định hướng phát triển cho thị trấn Tân Thành với vai trò là trung tâm của huyện, trên cơ sở khai thác tối đa các lợi thế và đẩy mạnh tiềm năng sẵn có, tạo điều kiện thúc đẩy tiến trình đô thị hoá, phát triển kinh tế theo hướng bền vững và nâng cao chất lượng sống của người dân.
- Xây dựng các định hướng phù hợp làm cơ sở để đầu tư phát triển đô thị, tạo điều kiện cho thị trấn nâng cấp lên đô thị loại IV trong giai đoạn đến năm 2030.
- Làm cơ sở để triển khai các quy hoạch chi tiết, lập các dự án đầu tư và thực hiện đầu tư theo quy hoạch.

b. Nhiệm vụ:

- Đánh giá lại vai trò, vị thế của thị trấn Tân Thành trong bối cảnh phát triển hiện nay của huyện Bắc Tân Uyên.
- Đánh giá tiến trình gia tăng dân số, tốc độ đô thị hóa để có cơ sở xây dựng dự báo quy mô dân số, nhu cầu đất xây dựng đô thị, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản.
- Cập nhật các dự án đang triển khai và các chương trình, dự án đầu tư của huyện, đặc biệt là các khu vực phát triển đô thị đã xác định trong Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch vùng thuộc địa bàn Tân Thành.
- Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng của người dân. Ưu tiên bố trí các công trình công cộng mới trên quỹ đất công, quỹ đất nông trường có thể chuyển đổi công năng.
- Kết nối mạng lưới giao thông đối ngoại của khu vực quy hoạch và các khu vực lân cận phù hợp với định hướng của đồ án Quy hoạch vùng huyện Bắc Tân Uyên.

6. Dự báo quy mô dân số:

Dự báo dân số thị trấn Tân Thành đến năm 2030 khoảng 36.000 - 45.000 người; đến năm 2040 khoảng 65.000 - 75.000 người.

7. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

Bảng 1. Bảng thống kê chỉ tiêu đất đai

STT	Hạng mục	Chỉ tiêu	
		Năm 2030	Năm 2040
1	Đất dân dụng		
1.1	Đất dân dụng	180 - 360 (ha) (50 - 80 m ² / người)	325 - 600 (ha) (50-80 m ² / người)
2	Đất giáo dục (*)		
2.1	Trường mầm non	≥ 2,88 ha(04 trường)	≥5,04ha(07 trường)
2.2	Trường tiểu học	≥ 3,0 ha(03 trường)	≥ 5,0 ha (05 trường)
2.3	Trường trung học cơ sở	≥ 2,0 ha (01 trường)	≥ 4,0 ha(02 trường)
2.4	Trường trung học phổ thông	≥ 2,0 ha (01 trường)	≥ 4,0 ha(02 trường)
2.5	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên	≥ 2,0 ha (01 trường)	≥ 2,0 ha(01 trường)
3	Đất y tế		
3.1	Bệnh viện	≥ 1,8 ha (quy mô 180 giường, 01 công trình)	≥ 3,0 ha (quy mô 300 giường, 02 công trình)
3.2	Trạm y tế	≥ 0,5 ha (01 trạm)	
4	Đất văn hóa - Thể dục thể thao (**)		
4.1	Trung tâm Văn hóa - Thể dục thể thao	≥ 3,0 ha (01 công trình)	
4.2	Nhà thiếu nhi	≥ 1,0 ha (01 công trình)	
5	Đất thương mại		
5.1	Chợ	0,3 ha (hạng 3 trở lên)	
5.2	Siêu thị	02 công trình (hạng 3 trở lên)	
6	Đất ở		
6.1	Diện tích sàn nhà ở bình quân	≥ 43 m ² /người	
6.2	Diện tích phát triển nhà ở xã hội	20ha	40ha
7	Đất cây xanh đô thị		
-	Cây xanh sử dụng công cộng toàn đô thị	≥ 10m ² /người 45,0 ha	≥ 10m ² /người 75,0 ha

(*) Chỉ tiêu đất trường mầm non: 12m²/học sinh, 50 học sinh/1.000 người, 35 học sinh/lớp, 20 nhóm lớp/trường, 600 học sinh/trường, 0,84ha/trường

Chỉ tiêu đất trường tiểu học: 10m²/học sinh, 65 học sinh/1.000 người, 35 học sinh/lớp, 30 lớp/trường, 1.050 học sinh/trường, 1,0ha/trường

Chỉ tiêu đất trường trung học cơ sở: 10m²/học sinh, 55 học sinh/1.000 người, 45 học sinh/lớp, 45 lớp/trường, 2.025 học sinh/trường

Chỉ tiêu đất trường trung học phổ thông: 10m²/học sinh, 40 học sinh/1.000 người, 45 học sinh/lớp, 45 lớp/trường, 2.025 học sinh/trường

(**) Các công trình văn hóa - thể dục thể thao có thể bố trí theo dạng tổ hợp chung với các công trình có chức năng văn hóa - dịch vụ khác.

Bảng 2. Bảng thống kê chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật

TT	Hạng mục	Chỉ tiêu 2030	Chỉ tiêu 2040
1	Chỉ tiêu giao thông		
1.1	Đất giao thông so với đất xây dựng đô thị	$\geq 17\%$	$\geq 17\%$
1.2	Mật độ đường giao thông đô thị (tính đến đường khu vực)	$\geq 6,5 - 8,0$ (km/km ²)	$\geq 6,5 - 8,0$ (km/km ²)
1.3	Diện tích đất giao thông bình quân đầu người	$\geq 9 \text{ m}^2/\text{người}$	$\geq 9 \text{ m}^2/\text{người}$
1.4	Bến xe loại IV	2.500 m ²	2.500 m ²
2	Chỉ tiêu cấp điện		
2.1	Cấp điện sinh hoạt	$\geq 200 \text{ W}/\text{người}$	$\geq 330 \text{ W}/\text{người}$
2.2	Cấp điện công trình công cộng	30% phụ tải điện	30% phụ tải điện
2.3	Cấp điện sản xuất (*)	50-350kW/ha	50-350kW/ha
2.4	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$
3	Chỉ tiêu cấp nước		
3.1	Nước sinh hoạt đô thị	$\geq 120\text{lít}/\text{người}/\text{ngày}$	$\geq 150\text{lít}/\text{người}/\text{ngày}$
3.2	Tỷ lệ cấp nước sạch, hợp vệ sinh	100% dân số	100% dân số
3.3	Nước cấp cho công trình công cộng, dịch vụ	$\geq 10\%$ lượng nước sinh hoạt	$\geq 10\%$ lượng nước sinh hoạt
3.4	Nước tưới cây, rửa đường	$\geq 8\%$ lượng nước sinh hoạt	$\geq 8\%$ lượng nước sinh hoạt
3.5	Cấp nước công nghiệp (*)	20 m ³ /ha	20 m ³ /ha
4	Chỉ tiêu thoát nước thải và vệ sinh đô thị		
4.1	Chỉ tiêu thoát nước thải sinh hoạt	$\geq 60\%$ nước cấp	$\geq 90\%$ nước cấp
4.2	Chỉ tiêu thoát nước thải công nghiệp	100% nước cấp	100% nước cấp
4.3	Chỉ tiêu tính toán chất thải rắn sinh hoạt	$\geq 0,8$ kg/người-ngày	$\geq 0,9$ kg/người-ngày
4.4	Chỉ tiêu chất thải rắn công nghiệp (*)	0,3tấn/ha	0,3tấn/ha
4.5	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom	99%	99%
4.6	Nhà tang lễ	01 cơ sở	01 cơ sở
5	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động		
5.1	Số thuê bao băng rộng di động	100 thuê bao/100 dân	100 thuê bao/100 dân
5.2	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang	100%	100%
5.3	Khu vực tập trung dân cư được phủ sóng viễn thông di động	100%	100%
(*) Tùy theo tính chất và loại hình sản xuất của khu công nghiệp sẽ xác định chỉ tiêu cụ thể khi thực hiện dự án			
Lưu ý: Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật cần đáp ứng cho dân số cố định và dân số vắng lại			

8. Các yêu cầu nghiên cứu của đồ án quy hoạch

Nội dung nghiên cứu thực hiện theo quy định tại Luật quy hoạch đô thị; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn. Trong đó yêu cầu:

- Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên; hiện trạng dân số, sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường. Đánh giá công tác quản lý, triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt về phát triển không gian, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật; so sánh, đối chiếu với định hướng và chỉ tiêu tại quy hoạch được duyệt; đánh giá hiện trạng theo các tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị. Đánh giá hiện trạng các chương trình, dự án đầu tư phát triển đang được triển khai thực hiện. Xác định các vấn đề cơ bản cần giải quyết.

- Các tiền đề phát triển đô thị: Xác định mục tiêu, tính chất và động lực phát triển của đô thị; Xác định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với đô thị và từng khu vực chức năng; Đánh giá, dự báo các tác động của điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; quy hoạch tỉnh, quy hoạch huyện và quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành đã được phê duyệt đến định hướng phát triển của đô thị. Dự báo các chỉ tiêu phát triển: quy mô dân số (bao gồm dân số cố định và dân số lưu trú, khách vắng lai), đất đai, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đối với đô thị và các khu vực chức năng của đô thị.

- Định hướng phát triển không gian đô thị: Xác định cấu trúc và hướng phát triển đô thị; Xác định phạm vi, quy mô các khu chức năng của đô thị lưu ý tính gắn kết với hồ Đá Bàn; Xác định khu vực hạn chế phát triển, khu chỉnh trang, cải tạo, khu cần bảo tồn, tôn tạo, khu phát triển mới, khu cấm xây dựng, các khu dự trữ phát triển; Xác định chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, định hướng và nguyên tắc phát triển đối với từng khu chức năng; Định hướng các trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ, công cộng, công viên cây xanh và không gian mở... đảm bảo phù hợp Đề án Cây xanh đô thị, Đề án Nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh và đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện.

- Định hướng quy hoạch sử dụng đất đô thị theo các giai đoạn quy hoạch; xác định quy mô đối với các chức năng sử dụng đất;

- Thiết kế đô thị theo quy định của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị

- Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị gồm: Giao thông, cao độ nền và thoát nước mưa, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, thoát nước thải, quản lý chất thải và nghĩa trang.

- Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường.

- Đề xuất các chương trình, dự án ưu tiên: Luận cứ và xác định chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch; đề xuất, kiến nghị nguồn lực thực hiện.

9. Thành phần hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch:

- a. Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng;
- b. Bản đồ ranh giới và phạm vi lập quy hoạch chung đô thị, tỷ lệ 1/5.000;
- c. Tờ trình và Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.
- d. Thuyết minh nhiệm vụ và các văn bản pháp lý liên quan.

10. Thành phần hồ sơ đồ án quy hoạch:

- a. Thành phần bản vẽ:
 - Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng;
 - Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng xã hội, tỷ lệ 1/5.000;
 - Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/5.000;
 - Bản đồ đánh giá tổng hợp về đất xây dựng, tỷ lệ 1/5.000;
 - Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị;
 - Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị, tỷ lệ 1/5.000;
 - Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đô thị theo các giai đoạn quy hoạch, tỷ lệ 1/5.000;
 - Bản đồ định hướng phát triển hệ thống giao thông, tỷ lệ 1/5.000;
 - Bản đồ định hướng phát triển chuẩn bị kỹ thuật, tỷ lệ 1/5.000;
 - Bản đồ định hướng phát triển hệ thống cấp nước, tỷ lệ 1/5.000;
 - Bản đồ định hướng phát triển hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang, tỷ lệ 1/5.000;
 - Bản đồ định hướng phát triển hệ thống cấp điện và cung cấp năng lượng, tỷ lệ 1/5.000;
 - Bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động, tỷ lệ 1/1/5.000;
 - Các bản vẽ thiết kế đô thị: Thể hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD.
- Quy cách thể hiện hồ sơ theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

b. Thuyết minh quy hoạch:

Nêu đầy đủ các nội dung của đồ án được quy định tại khoản 2, điều 8 của Thông tư 04/2022/TT-BXD của Bộ Xây dựng. Thuyết minh đồ án điều chỉnh quy hoạch chung phải có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3 với ký hiệu và ghi chú rõ ràng, được sắp xếp kèm theo nội dung cho từng phần của thuyết minh liên quan;

Phụ lục và bản vẽ kèm theo thuyết minh gồm: Các giải trình, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bảng biểu, số liệu tính toán thể hiện kết quả nêu tại thuyết minh; bản vẽ khổ A3; văn bản pháp lý liên quan.

c. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung đô thị: Nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật Quy hoạch đô thị và phải có bản vẽ thu nhỏ kèm theo.

d. Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch.

e. Hồ sơ lưu trữ và số lượng: Đảm bảo theo quy định tại khoản 1, 2, điều 38 của Thông tư 04/2022/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

f. Yêu cầu về nội dung, hình thức và đối tượng lấy ý kiến về đồ án quy hoạch

- Nội dung lấy ý kiến: Dự thảo thuyết minh tóm tắt và các bản vẽ kèm theo, trong đó thể hiện rõ nội dung chủ yếu của đồ án quy hoạch chung đô thị.

- Hình thức lấy ý kiến:

+ Gửi hồ sơ, tài liệu hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

+ Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư được thực hiện thông qua lấy ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư bằng hình thức phát phiếu điều tra, phỏng vấn. Đại diện cộng đồng dân cư có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

+ Đối tượng lấy ý kiến: Các địa phương lân cận; Chuyên gia về lĩnh vực quy hoạch đô thị; Tổ chức, cá nhân: đại diện các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp có liên quan; Đại diện cộng đồng dân cư thuộc phạm vi ảnh hưởng của đồ án quy hoạch.

Nội dung hồ sơ đồ án đã tổ chức lấy ý kiến, tiếp tục thực hiện công tác thẩm định theo quy định; Nếu có điều chỉnh bổ sung các nội dung định hướng thay đổi lớn phải tổ chức lấy ý kiến theo quy định nêu trên.

11. Dự toán kinh phí, tiến độ thực hiện

- Cơ sở tính toán kinh phí: Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Nguồn vốn: Vốn sự nghiệp kinh tế của Phòng Quản lý đô thị.

- Kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch: Thời gian lập đồ án quy hoạch chung đô thị không quá 12 tháng.

- Trách nhiệm thực hiện: UBND huyện Bắc Tân Uyên có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan để tổ chức thực hiện đúng thời gian, đảm bảo chất lượng hồ sơ quy hoạch.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên có trách nhiệm lập Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung đô thị Tân Thành đến năm 2040 theo đúng nội dung nhiệm vụ được phê duyệt, đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện Bắc Tân Uyên đến năm 2040 và quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đã ký: Võ Văn Minh